TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 72/2025/DS-ST Ngày 12/9/2025. V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Cơ.

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 94/2025/TLST – DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2025/QĐXXST-DS ngày 15/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Lệ Q, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số E đường C, khóm F, phường P, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* 1/ Bà Lý Thị N (vắng mặt).

2/ Ông Trần Văn K (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số D, ấp T, xã G, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Q trình bày: Bà Lý Thị N và ông Trần Văn K (con ruột bà N) có vay của bà Q nhiều lần tổng số tiền 200.000.000 đồng để cho con gái bà N làm ăn buôn bán, cụ thể: Ngày 13/01/2023dl (nhằm ngày 22/12/2022al) bà N và ông K vay số tiền là 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 8%/tháng. Bà N và ông K hứa sẽ trả lãi hàng tháng với lãi suất 08%/tháng, nhưng thực tế đóng lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng đến tháng 03/2023dl được 02 tháng lãi, với tổng số tiền 8.000.000 đồng, kể từ tháng 4/2023 đến nay không trả lãi và cũng chưa trả vốn. Đến ngày 22/8/2024dl bà N và ông K làm giấy biên nhận nợ; Ngày 14/02/2023dl (nhằm ngày 24/01/2023al) bà N và ông K vay số tiền là 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Bà N và ông K hứa sẽ trả lãi hàng tháng, nhưng thực tế đóng lãi mỗi tháng 4.500.000 đồng đến ngày 14/9/2023 là được 07 tháng, với tổng số tiền lãi 31.500.000 đồng, kể từ tháng 10/2023dl (nhằm tháng 9/2023al)

đến nay không trả lãi và cũng chưa trả vốn. Đến ngày 22/8/2024 bà N và ông K làm giấy biên nhận.

Nay bà Q yêu cầu bà Lý Thị N và ông Trần Văn K có nghĩa vụ thanh toán cho bà Q hai khoản tiền vay, cụ thể: Tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 13/5/2023dl đến ngày 12/9/2025dl, mức lãi 5%/tháng, 29 tháng bằng 72.500.000 đồng; Tiền vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 14/10/2023dl đến ngày 12/9/2025dl, mức lãi 3%/tháng, 24 tháng bằng 108.500.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 381.000.000 đồng (trong đó: 200.000.000 đồng tiền gốc và 181.000.000 đồng tiền lãi), yêu cầu trả một lần.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 29/7/2025, bị đơn bà Lý Thị N trình bày:* Bà N thừa nhận bà và con trai là Trần Văn K có vay tiền của bà Q 02 lần tổng số tiền 200.000.000 đồng, vay dùm cho con gái của bà N để làm ăn, cụ thể: Ngày 13/01/2023dl (nhằm ngày 22/12/2022al) bà N và ông Trần Văn K vay của bà Q số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 8%/tháng, bà N và ông K đóng lãi đến tháng 4/2023 thì ngưng, kể từ tháng 5/2023dl đến nay không trả lãi và cũng chưa trả vốn. Đến ngày 22/8/2024dl bà N và ông K có làm giấy biên nhận nợ; Ngày 14/02/2023dl (nhằm ngày 24/01/2023al) bà N và ông K có vay của bà Q số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, bà N và ông K đóng lãi đến tháng 9/2023, kể từ tháng 10/2023 đến nay không trả lãi và cũng chưa trả vốn. Đến ngày 22/8/2024 bà N và ông K có làm giấy biên nhận nợ.

Nay bà N đồng ý cùng với ông K trả tiền vốn của hai khoản tiền vay trên cho bà Q tổng số tiền 200.000.000 đồng. Đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày ngưng đóng lãi đến khi trả xong nợ. Nhưng bà N không có khả năng trả một lần, yêu cầu bà Q cho bà N và ông K trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- *Đối với bị đơn ông Trần Văn K:* Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông K không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Toà án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Q và bị đơn bà Lý Thị N đều thống nhất thừa nhận bà N và ông Trần Văn K có vay tiền của bà Trần Thị Lệ Q 02 lần, cụ thể: Ngày 13/01/2023 vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 8%/tháng, bà N và ông K đóng lãi đến tháng 4/2023 thì ngưng. Đến Ngày 22/8/2024 bà N và ông K làm giấy biên nhận nợ; Lần 2: Ngày 14/02/2023 bà N và ông K vay số tiền là 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, đóng lãi đến tháng 9/2023. Đến ngày 22/8/2024 bà N và ông K làm giấy biên nhận nợ. Hiện nay bà N và ông K còn nợ của bà Q tổng số tiền 02 lần vay 200.000.000 đồng. Việc thống

nhất thừa nhận của các đương sự nêu trên được xác định là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, đây là hợp đồng vay tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Bà Trần Thị Lệ Q đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền vay cho bà Lý Thị N và ông Trần Văn K theo thỏa thuận. Nhưng quá trình thực hiện hợp đồng, bà N và ông K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc cho bà Q theo thỏa thuận. Như vậy, bà Lý Thị N và ông Trần Văn K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Do đó, bà Trần Thị Lệ Q yêu cầu bà Lý Thị N và ông Trần Văn K thanh toán tổng số tiền gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Bị đơn đồng ý thanh toán tiền lãi trên nợ gốc cho nguyên đơn kể từ khi ngưng đóng lãi cho đến khi trả hết nợ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đối với số tiền vay 50.000.000 đồng, do mức lãi suất các bên thỏa thuận 8%/tháng và đối với số tiền vay 150.000.000 đồng, mức lãi suất các bên thỏa thuận 3%/tháng là vượt quá 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tính mức lãi suất 20%/năm để xem xét giải quyết và khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt mức lãi suất theo quy định vào tiền gốc, cụ thể:

- Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng:

+ Từ ngày 13/01/2023dl (22/12/2022al) đến ngày 13/3/2023dl, lãi suất 1,66%/tháng x 02 tháng là 1.660.000 đồng. Bị đơn đã đóng lãi từ ngày 13/01/2023dl (22/12/2022al) đến ngày 13/3/2023dl, lãi suất 8%/tháng x 02 tháng là 8.000.000 đồng. Do đó, tiền lãi đã trả là 8.000.000 đồng, trừ số tiền lãi phải trả theo quy định 1.660.000 đồng thì số tiền lãi đã trả vượt mức theo quy định là 6.340.000 đồng, cần trừ vào tiền gốc là phù hợp.

+ Tiền gốc 50.000.000 đồng trừ số tiền lãi đã trả vượt mức theo quy định 6.340.000 đồng thì tiền gốc còn lại là 43.660.000 đồng. Tính lãi theo quy định của tiền gốc còn lại 43.660.000 đồng từ ngày 13/4/2023 đến ngày xét xử 12/9/2025, lãi 1,66%/tháng x 29 tháng = 21.017.924 đồng. Tổng tiền gốc và lãi là 64.677.924 đồng.

- Đối với số tiền vay 150.000.000 đồng:

+ Từ ngày 14/02/2023dl (nhằm ngày 24/02/2023al) đến ngày 14/9/2023dl, lãi suất 1,66%/tháng x 07 tháng là 17.430.000 đồng. Bị đơn đã đóng lãi từ 14/02/2023dl (nhằm ngày 24/01/2023al) đến ngày 14/9/2023dl, lãi suất 3%/tháng x 07 tháng là 31.500.000 đồng. Do đó, tiền lãi đã trả là 31.500.000 đồng, trừ số tiền lãi phải trả theo quy định 17.430.000 đồng thì số tiền lãi đã trả vượt mức theo quy định là 14.070.000 đồng cần trừ vào tiền gốc là phù hợp.

+ Tiền gốc 150.000.000 đồng trừ số tiền lãi đã trả vượt mức theo quy định 14.070.000 đồng thì tiền gốc còn lại là 135.930.000 đồng. Tính lãi theo quy định của tiền gốc còn lại 135.930.000 đồng từ ngày 14/9/2023 đến ngày xét xử 12/9/2025, lãi 1,66%/tháng x 23 tháng 29 ngày = 59.677.000 đồng tiền lãi. Tổng tiền gốc và lãi là 195.607.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc: 43.660.000 đồng + 135.930.000 đồng = 179.590.000 đồng; tiền lãi 21.017.924 đồng + 59.677.000 đồng = 80.694.924 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi còn nợ đến ngày xét xử là 260.284.924 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền gốc và lãi 381.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện buộc bà Lý Thị N và ông Trần Văn K liên đới trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Q tổng số tiền gốc và lãi là 260.284.924 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Lý Thị N và ông Trần Văn K thanh toán số tiền 120.715.076 đồng.

Xét ý kiến của bị đơn yêu cầu nguyên đơn gia hạn thời hạn thanh toán mỗi tháng 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần mà yêu cầu thanh toán một lần. Do đó, yêu cầu được trả dần số nợ của bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Về án phí:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên phải chịu án phí sơ thẩm đối với một phần yêu cầu không được chấp nhận là 6.035.753 đồng án phí. Bị đơn bà Lý Thị N và ông Trần Văn K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.014.246 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Q về việc yêu cầu bà Lý Thị N và ông Trần Văn K thanh toán tổng số tiền gốc và lãi là 260.284.924 đồng (trong đó tổng tiền gốc là 179.590.000 đồng và tiền lãi 80.694.924 đồng).

[2] Buộc bà Lý Thị N và ông Trần Văn K có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Trần Thị Lệ Q tổng số tiền gốc và lãi là 260.284.924 đồng (trong đó tổng tiền gốc là 179.590.000 đồng và tiền lãi 80.694.924 đồng).

[3] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Q về việc yêu cầu bà Lý Thị N và ông Trần Văn K thanh toán số tiền 120.715.076 đồng.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc bà Trần Thị Lệ Q có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Lý Thị N và ông Trần Văn K chậm trả số tiền nêu trên cho bà

Trần Thị Lệ Q, thì bà Lý Thị N và ông Trần Văn K phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả với lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Q phải chịu án phí sơ thẩm đối với một phần yêu cầu không được chấp nhận 6.035.753 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp 9.212.500 đồng theo biên lai thu số 0001696 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ). Bà Q được nhận lại 3.176.747 đồng tiền tạm ứng án phí.

- Bị đơn bà Lý Thị N và ông Trần Văn K phải liên đới chịu 13.014.246 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND KV8- Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND.TP Cần Thơ;
- Phòng T.H.A dân sự KV8- Cần Thơ,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Ái M